

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **51** /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày **05** tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh trình tại
kỳ họp thứ 14 - Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2021-2026**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công thẩm tra các dự thảo nghị quyết trình tại Kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh khóa VIII của Thường trực HĐND tỉnh; trên cơ sở nghiên cứu các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết, ngày 01/12/2022 Ban Dân tộc HĐND tỉnh đã họp Ban và thống nhất các nội dung sau:

I. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023 trên lĩnh vực dân tộc

Trên cơ sở Báo cáo số 242/BC-UBND ngày 21/11/2022 của UBND tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2022, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2023 và báo cáo của các đơn vị, địa phương. Ban Dân tộc HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với nhận định, đánh giá trong báo cáo của UBND tỉnh về lĩnh vực dân tộc.

Năm 2022, công tác dân tộc luôn nhận được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của cộng đồng xã hội, đặc biệt là sự chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, giám sát của HĐND, sự điều hành của UBND, sự tham gia tích cực của UBTMTQVN tỉnh và các sở, ngành, địa phương, sự ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, đến nay kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi phát triển ổn định, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng¹. Các lĩnh vực đều có mức phục hồi và tăng trưởng tốt, tổng giá trị sản xuất ở các địa phương vùng DTTS cơ bản tăng hơn so với năm 2021². Các chương trình, dự án đầu tư và hỗ trợ tiếp tục được triển khai thực hiện kịp thời, phát huy được hiệu quả. Các chính sách đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội

¹ Kết cấu hạ tầng trong vùng ngày càng được nâng lên, 100% xã, thôn bản đã có điện lưới quốc gia; 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa; 77% số thôn, bản ấp có đường giao được cứng hóa đến trung tâm xã; 100% xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; 98,7% hộ sử dụng điện; 100% xã có trường tiểu học, 75% xã có trường trung học cơ sở, 38 trường đạt chuẩn Quốc gia¹

² Huyện Hướng Hóa là 28.570,7 tỷ đồng, đạt 124,4% kế hoạch (nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản 2.284,3 tỷ đồng, đạt 185,3% kế hoạch; công nghiệp - xây dựng 16.715,8 tỷ đồng, đạt 123,6% kế hoạch; thương mại - dịch vụ 9.571 tỷ đồng, đạt 116,7% kế hoạch); huyện Đakrông 10 tháng đầu năm ước đạt 890 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành nông nghiệp tăng 8%, ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng tăng 12%, thương mại dịch vụ tăng 12,5%

vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ. Công tác giáo dục đào tạo chuyển biến tích cực, chất lượng giáo dục được duy trì ổn định³. Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, phòng chống các loại dịch bệnh được chú trọng⁴. Hoạt động văn hóa - thông tin, tuyên truyền các ngày lễ và các sự kiện lớn được thực hiện tốt⁵. Công tác giảm nghèo trên địa bàn miền núi đạt kết quả tích cực⁶. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc cơ bản ổn định. Quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, khối đại đoàn kết các dân tộc ngày càng củng cố tăng cường.

Tuy nhiên, Ban Dân tộc HĐND tỉnh nhận thấy, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 vẫn còn gặp một số khó khăn, tồn tại, tác động đến việc thực hiện công tác dân tộc trong thời gian tới, đó là:

- Tăng trưởng kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn thấp. Đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS vẫn gặp nhiều khó khăn, sự chênh lệch về thu nhập và cơ hội phát triển giữa vùng DTTS và các vùng khác còn lớn. Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số vẫn quá cao so với tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh (chiếm 67,24%), kết quả giảm nghèo còn thiếu tính bền vững, nguy cơ tái nghèo vẫn còn cao. Công tác đào tạo nghề gắn với tạo việc làm ở một số nơi thực hiện thiếu đồng bộ, người lao động sau đào tạo nghề khó tự tìm kiếm việc làm hoặc tìm được việc làm nhưng chưa bền vững. Nhu cầu đầu tư đường giao thông phục vụ sản xuất, kết nối liên vùng, liên thôn và duy tu sửa chữa cơ sở hạ tầng tại các xã đặc biệt khó khăn còn rất lớn, nguồn vốn chưa đáp ứng yêu cầu.

- Việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia còn gặp nhiều

³ Tỷ lệ huy động trẻ đến trường mầm non và tiểu học đạt 100%, THCS Gio Linh, Vĩnh Linh đạt 100%, Đakrông đạt 93,2%, Hướng Hóa đạt 92,9%; tỷ lệ phổ cập mầm non đạt 100%, tiểu học từ 88,2 đến 97,6%³, THCS đạt từ 84,82% đến 98,5%³. Quy mô mạng lưới trường, lớp tiếp tục được quy hoạch, sắp xếp³, hệ thống trường, lớp học đã và đang được xây dựng kiên cố, cao tầng hóa tại các xã và trung tâm cụm xã

⁴ Công tác khám, chữa bệnh cho bà con cũng được đảm bảo, trong năm các cơ sở y tế trên địa bàn đã khám và điều trị cho trên 29.000 lượt người. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản được tăng cường, không ngừng đổi mới về phương pháp, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung. Cơ sở hạ tầng y tế miền núi được quan tâm đầu tư, sửa chữa lớn như các trạm: Linh Trường (Gio Linh), Vĩnh Ô, Vĩnh Hà (Vĩnh Linh), A Bung, Ba Nang, Tà Long, Ba Lòng, Húc Nghi, Krông Klang (Đakrông).

⁵ Đến nay vùng dân tộc thiểu số toàn tỉnh có 16 trung tâm văn hóa xã; 220 thôn, bản, khu phố có trung tâm sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa thôn5. Tại Ngày hội giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch Việt Nam - Lào lần thứ III đã có 06 tác phẩm tham gia được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chứng nhận đạt giải trong đó có 02 giải A, 03 giải B và 01 giải C.

⁶ Theo số liệu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, đầu năm 2022, toàn tỉnh có 20.999 hộ dân tộc thiểu số, trong đó có 12.586 hộ nghèo, chiếm 59,94% số hộ DTTS và chiếm tỷ trọng 67,24% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh; có 2.214 hộ cận nghèo DTTS, chiếm 10,54% trong tổng số hộ DTTS. Theo kết quả rà soát sơ bộ, cuối năm 2022 hộ nghèo DTTS giảm 1.185 hộ tương đương với giảm 5,6%, theo đó toàn tỉnh còn 11.401 hộ nghèo DTTS chiếm 54,03% so với hộ DTTS và chiếm tỷ trọng 68,36% trong tổng số hộ nghèo toàn tỉnh. Công tác tạo việc làm mới cho lao động DTTS đã giải quyết được 3.642 lao động, tăng 2.858 lao động so với năm 2021, trong đó xuất khẩu lao động 76 người. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh và đào tạo nghề lao động nông thôn ngắn hạn cho trên 586 lao động là người DTTS, tăng 222 lao động so với năm 2021.

vướng mắc: Do nguồn vốn phân bổ muộn; một số văn bản hướng dẫn của Trung ương ban hành chậm hoặc chưa có các văn bản hướng dẫn cụ thể, do đó các đơn vị địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc giải ngân nguồn vốn. Công tác tổ chức thực hiện chính sách và lồng ghép cơ chế chính sách chưa đồng bộ.

- Việc tổ chức, triển khai và thực hiện Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2025, chiến lược đến năm 2030 chưa được các địa phương quan tâm thực hiện. Từ năm 2018 đến nay toàn tỉnh có 196 cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số đã và đang theo học đại học nhưng chưa được hưởng chế độ hỗ trợ⁷.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số cấp xã đối với vùng miền núi trên địa bàn tỉnh ngày càng giảm dần qua các năm⁸ trong khi nhiều sinh viên dân tộc thiểu số tốt nghiệp ra trường vẫn chưa có việc làm.

- Tình hình tội phạm ma túy, buôn lậu trên tuyến biên giới Việt - Lào tỉnh Quảng Trị tiếp tục diễn biến phức tạp, nổi lên là các vụ mua bán, vận chuyển các chất ma túy với số lượng lớn, người vận chuyển là con em đồng bào DTTS sinh sống ở hai bên biên giới.

- Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện trong vùng DTTS vẫn tiếp diễn, nổi lên là tình hình khiếu kiện liên quan đến các dự án điện gió như: Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, khắc phục thiệt hại do sạt lở, bồi lấp ruộng lúa, hoa màu và tài sản người dân⁹; tranh chấp đất của hộ gia đình nằm trong đất của Công ty Cao su Việt Nam và Công ty TNHH Phi Long trên địa bàn Hướng Hóa. Công tác quản lý dân cư và quản lý đất đai, hộ tịch sau khi các hộ dân nhận đền bù điện gió chưa chặt chẽ, vẫn còn tình trạng một số hộ tự tìm nơi ở mới xây dựng nhà bất hợp pháp trên đất rừng phòng hộ hoặc di cư tự do đến các địa bàn khác sinh sống.

- Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đất ở và kinh phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo ở các xã khu vực III, thôn, bản đặc biệt khó khăn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2019 - 2022, đến nay ngân sách tỉnh đã bố trí 7.046 triệu đồng,

⁷ Hướng Hóa 109, Đakrông 58, Vĩnh Linh 13, Gio Linh 06 cán bộ, công chức dân tộc thiểu số đã và đang theo học đại học

⁸ Hướng Hóa từ 48,4% (năm 2018) đến 2022 chỉ còn 42,9%; Đakrông từ 87,7% (năm 2018) đến 2022 chỉ còn 63%

⁹ Hiện tại, có 424 hộ bị thiệt hại do sạt lở, bồi lấp với tổng diện tích nông nghiệp là 41,224 ha, nhưng 125 hộ vẫn chưa nhận được bồi thường, hỗ trợ khắc phục thiệt hại từ các công ty điện gió.

đạt 100% kế hoạch vốn nhưng công tác hỗ trợ kinh phí tạo mặt bằng đất ở đạt tỷ lệ 94,45% (1.123/1.189 hộ); hỗ trợ về đất sản xuất và kinh phí đo vẽ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất đạt tỷ lệ 27,6% (764/2.768 hộ); đo vẽ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất đạt 20,8% (823/3957 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) so với mục tiêu Nghị quyết đề ra. Ngoài thiếu đất ở đất sản xuất theo Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND, hiện nay các địa phương vùng dân tộc thiểu số vẫn còn 1.608 hộ thiếu đất ở, đất sản xuất, trong đó có 642 hộ thiếu đất ở, 966 hộ thiếu đất sản xuất¹⁰. Việc tạo quỹ đất để bố trí cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số thiếu đất gặp nhiều khó khăn do công tác chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang đất rừng sản xuất được xác định tại Nghị quyết 14/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 và đất thu hồi từ các Công ty lâm nghiệp được xác định tại Nghị quyết 29/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 để giao lại cho các địa phương thực hiện Nghị quyết 10/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đang còn nhiều vướng mắc¹¹.

- Nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học cho ngành giáo dục - đào tạo đối với vùng miền núi tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Hiện nay số lượng biên chế ngành giáo dục miền núi còn thiếu so với nhu cầu, vẫn còn phòng học tạm, lớp ghép nên việc tổ chức dạy và học còn gặp nhiều khó khăn¹². Công tác sắp xếp mạng lưới trường lớp còn nhiều bất cập: Việc sáp nhập các trường nhiều cấp học, nhiều điểm trường gây khó khăn trong quản lý; nhiều trường không giữ được danh hiệu trường chuẩn quốc gia; việc thực hiện chế độ chính sách và sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên còn vướng mắc do chưa có văn bản quy định cụ thể; sau khi sáp nhập, một số trường, điểm trường không sử dụng dẫn đến lãng phí tài sản công, trong khi một số học sinh phải đi học xa hơn.

- Hiện nay tỷ lệ sinh con thứ 3 trên địa bàn miền núi còn chiếm tỷ lệ cao 24,4%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi có giảm nhưng thiếu bền vững và cao so với toàn tỉnh, tình trạng tảo hôn có xu hướng gia tăng¹³.

¹⁰ Số liệu thống kê theo Quyết định 1706/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025

¹¹ Trên thực tế các hộ gia đình thiếu đất sản xuất có vị trí không liền kề với vị trí đất chuyển giao của các Ban quản lý rừng phòng hộ; đất của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải trả lại địa phương nhưng phải đợi đến chu kỳ khai thác tài sản trên đất địa phương mới được giao cho dân.

¹² Hiện nay số lượng đội ngũ ngành giáo dục trên địa bàn miền núi còn thiếu 283 định biên (*Hướng Hóa 147, Đakrông 112, Vĩnh Linh 15, Gio Linh 09*). Vẫn còn 14 phòng học tạm, 239 phòng học bán kiên cố; 42 lớp ghép (*Hướng Hóa 36 lớp, Đakrông 06 lớp*)

¹³ Tỷ lệ phần trăm số cặp tảo hôn trên địa bàn miền núi vùng DTTS hàng năm có xu hướng tăng. Cụ thể: Năm 2016 tỷ lệ tảo hôn chiếm 20,5%; năm 2017 tỷ lệ tảo hôn chiếm 22%; năm 2018 tỷ lệ tảo hôn chiếm 17,3%; năm 2019 tỷ lệ tảo hôn chiếm 21,2%; năm 2020 tỷ lệ tảo hôn chiếm 22,1%; năm 2021 tỷ lệ tảo hôn chiếm 23,2%.

2. Đề xuất nhiệm vụ và giải pháp năm 2023

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ và công tác dân tộc năm 2023, Ban Dân tộc HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chú trọng những nội dung sau:

- Triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025. Chỉ đạo các sở ngành, địa phương tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện và giải ngân nguồn vốn các chương trình; quan tâm ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình có sự thiết yếu để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số.

- Tập trung nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo, chú trọng đa dạng hóa sinh kế, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động, tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số. Kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những hộ gia đình, thôn bản có thành tích trong công tác giảm nghèo nhằm khuyến khích các hộ gia đình thoát nghèo bền vững và hạn chế tâm lý trông chờ, ỷ lại. Xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn đối với các hộ dân tộc thiểu số miền núi tỉnh Quảng Trị.

- Xem xét, phân bổ lại một phần kinh phí từ việc thu thuế các nhà máy điện gió để tái đầu tư cho các địa phương chịu ảnh hưởng, tác động bởi điện gió khắc phục hạ tầng cơ sở và tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời tăng cường công tác phòng chống sạt lở, cứu hộ cứu nạn đối với những vùng có dự án điện gió, nhất là trong mùa mưa bão. Sớm khắc phục sửa chữa các tuyến đường đã bị hư hỏng, xuống cấp để đảm bảo an toàn giao thông đi lại cho bà con Nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 về chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2025, chiến lược đến năm 2030. Ưu tiên trong việc xét tuyển, tuyển dụng, bố trí việc làm cho các sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp ra trường; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng gắn với công tác quy hoạch và sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ có triển vọng để tạo nguồn cán bộ trước mắt và lâu dài, khắc phục tình trạng thiếu cán bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quan tâm giải quyết chính sách cho 196 công chức cấp xã đã và đang tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng nhưng chưa được hưởng chính sách của Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND. Quan tâm xây dựng đề án tạo nguồn phát triển cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc Ban Thường vụ tỉnh ủy quản lý theo từng giai đoạn.

- Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tác hại của tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết

thống. Tiếp tục nghiên cứu nhân rộng các mô hình và cách làm sáng tạo trong việc giảm thiểu tình trạng tảo hôn của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác chỉ đạo đấu tranh phòng, chống ma túy và các tệ nạn xã hội trên địa bàn miền núi và dân tộc thiểu số đặc biệt là vùng biên giới. Giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình nằm trong đất của Công ty Cao su Việt Nam và Công ty TNHH Phi Long trên địa bàn Hướng Hóa, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng của các dự án điện gió và những trường hợp dân di cư tự do, làm nhà bất hợp pháp trên đất rừng phòng hộ.

II. Tờ trình số 246/TTr-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

1. Tính phù hợp và cơ sở pháp lý của Tờ trình, dự thảo Nghị quyết

- Tính phù hợp: Nội dung của Tờ trình và dự thảo Nghị quyết cơ bản đã phù hợp với Khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Cơ sở pháp lý: Đề nghị bổ sung thêm Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh về Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hàng năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết

Ban đề nghị điều chỉnh tên gọi Nghị quyết “Quy định nội dung mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” thành Nghị quyết “*Quy định nội dung mức hỗ trợ để khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tham gia học xóa mù chữ*”

3. Về nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết

Cơ bản thống nhất với nội dung của Tờ trình, dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, Ban đề nghị như sau:

- Bổ sung tổng hợp số liệu thống kê nhu cầu người dân tham gia học xóa mù chữ vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xác định rõ độ tuổi tham gia học; tổng số lớp dự kiến và chương trình, thời lượng cụ thể của khóa học để có cơ sở xác định định mức hỗ trợ.

- Xác định rõ nguồn lực hỗ trợ, kinh phí hàng năm và cả giai đoạn cho việc hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ.

- Đối với kết cấu dự thảo Nghị quyết sắp xếp lại thành 02 điều, Điều 1: Quy định nội dung mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau: 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; 2. Định mức hỗ trợ; 3. Nguồn kinh phí thực hiện. Điều 2: Tổ chức thực hiện.

III. Tờ trình số 241/TTr-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

1. Tính phù hợp và cơ sở pháp lý của Tờ trình, dự thảo Nghị quyết

- Tính phù hợp: Nội dung của Tờ trình và dự thảo Nghị quyết là cần thiết và phù hợp với Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Cơ sở pháp lý: Đề nghị bổ sung thêm Nghị quyết 23/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết

Ban đề nghị điều chỉnh tên gọi Nghị quyết “Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp đối với một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” thành Nghị quyết “*Quy định nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp để thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*”.

3. Về nội dung Tờ trình và dự thảo Nghị quyết

Cơ bản thống nhất với nội dung của Tờ trình, dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đối với kết cấu Dự thảo Nghị quyết, Ban đề nghị sắp xếp lại thành 02 điều: Điều 1. Quy định nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp để thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Ban Dân tộc thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết Quy định nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp để thực hiện một số nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TTHĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh;
- Đại biểu dự kỳ họp HĐND tỉnh
- VP ĐDBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Phòng CTHĐ;
- Lưu: VT, BDT.

TM. BAN DÂN TỘC HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN



Ly Kiều Vân